

Số: 1658/BHXH-CSXH

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2011

V/v hướng dẫn thực hiện điều chỉnh
lương hưu, trợ cấp BHXH theo ND số
22/2011/NĐ-CP và ND số 23/2011/NĐ-CP.

- Kính gửi: - Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;
- Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân- Bộ Công an;
- Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ.

Thực hiện Nghị định số 22/2011/NĐ-CP, Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 4/4/2011 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 22/2011/NĐ-CP, Nghị định số 23/2011/NĐ-CP) và Thông tư số 13 /2011/TT-BLĐTBXH ngày 27/ 4/2011 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13 /2011/TT-BLĐTBXH), Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn rõ một số nội dung như sau:

1. Về đối tượng áp dụng:

Đối tượng điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH áp dụng theo quy định tại Nghị định số 22/2011/NĐ-CP và Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 4/4/2011 của Chính phủ và hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư số 13/2011/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

2. Điều chỉnh tăng lương hưu và trợ cấp BHXH:

Đối với các đối tượng quy định tại Điều 1, 2 Thông tư số 13/2011/TT-BLĐTBXH đến ngày 01/5/2011 còn đang được hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng thì từ ngày 01/5/2011 được điều chỉnh mức hưởng, cụ thể như sau:

2.1. Mức điều chỉnh tăng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 13/2011/TT-BLĐTBXH;

2.2. Đối với người hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà có trợ cấp phục vụ thì mức trợ cấp phục vụ hàng tháng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2011/TT-BLĐTBXH, từ ngày 01/5/2011 được điều chỉnh:

+ Đối với người hưởng trợ cấp phục vụ trước ngày 01/01/2007, mức trợ cấp hàng tháng bằng 664.000 đồng (mức hưởng bằng 80% mức lương tối thiểu chung),

+ Đối với người hưởng trợ cấp phục vụ người từ ngày 01/01/2007 trở đi, mức trợ cấp hàng tháng bằng 830.000 đồng/tháng (mức hưởng bằng 100% mức lương tối thiểu chung),

2.3. Người đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 13/2011/TT-BLĐTBXH, từ ngày 01/5/2011 được điều chỉnh như sau:

- Đối với mức hưởng bằng 40% mức lương tối thiểu chung, mức trợ cấp hàng tháng bằng 332.000 đồng (40% x 830.000 đồng);

- Đối với mức hưởng bằng 50% mức lương tối thiểu chung, mức trợ cấp hàng tháng bằng 415.000 đồng(50% x 830.000 đồng);

- Đối với mức hưởng bằng 70% mức lương tối thiểu chung, mức trợ cấp hàng tháng bằng 581.000 đồng (70% x 830.000 đồng).

3. Giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội kể từ ngày 01/5/2011 trở đi:

Đối với đối tượng giải quyết hưởng các chế độ BHXH mà thời điểm hưởng từ ngày 01/5/2011 được thực hiện theo mức lương tối thiểu chung là 830.000 đồng/tháng. Một số trường hợp cụ thể giải quyết như sau:

a. Về chế độ ốm đau, thai sản:

Người đang tham gia BHXH bắt buộc thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, đang hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản trước ngày 01/5/2011 mà từ ngày 01/5/2011 trở đi còn thời hạn hưởng trợ cấp (kể cả trường hợp mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày) thì số ngày nghỉ ốm đau, thai sản từ ngày 01/5/2011 trở đi, mức trợ cấp ốm đau, thai sản được tính theo mức lương tối thiểu chung 830.000 đồng/tháng.

b. Về chế độ hưu trí:

- Người có thời gian tham gia BHXH thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/5/2011 trở đi thì mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu và trợ cấp khu vực một lần (nếu có) tính theo mức lương tối thiểu chung 830.000 đồng/tháng;

- Người có thời gian tham gia BHXH bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên nghỉ hưởng lương hưu từ ngày 01/5/2011, nếu mức lương hưu hàng tháng tính theo quy định mà thấp hơn 830.000 đồng/tháng thì được bù cho bằng 830.000 đồng/tháng;

- Cán bộ xã, phường, thị trấn đang chờ hưởng trợ cấp hàng tháng quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ và điểm 8 Thông tư số 19/2008/TT-BLĐTBXH mà từ ngày 01/5/2011 trở đi đủ điều kiện hưởng trợ cấp hàng tháng thì mức trợ cấp hàng tháng được tính trên cơ sở điều chỉnh mức trợ cấp tính tại thời điểm ngày 01/01/2003, cụ thể như sau:

- Tăng 10% theo Nghị định số 208/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004;
- Tăng 10% theo Nghị định số 117/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005;
- Tăng 20,7% theo Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005;
- Tăng 10% theo Nghị định số 93/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006;
- Tăng 28,6% theo Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006;
- Tăng 20% theo Nghị định số 184/2007/NĐ-CP ngày 17/12/2007;
- Tăng 15% theo Nghị định số 101/2008/NĐ-CP ngày 12/9/2008;
- Tăng 5% theo Nghị định số 34/2009/NĐ-CP ngày 6/4/2009;
- Tăng 12,3% theo Nghị định số 29/2010/NĐ-CP ngày 25/3/2010;
- Tăng 13,7% theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 4/4/2010.

Người có thời gian tham gia BHXH theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ; Cán bộ chuyên trách cấp xã đang tự đóng tiếp BHXH và Cán bộ chuyên trách cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ, từ ngày 01/5/2011 hưởng chế độ hưu trí hoặc BHXH một lần thì mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ tính lương hưu, trợ cấp BHXH một lần khi nghỉ hưu, trợ cấp BHXH một lần của số tháng đóng BHXH theo hệ số tiền lương được tính theo mức lương tối thiểu 830.000 đồng/tháng, số tháng đóng BHXH theo mức sinh hoạt phí quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP được điều chỉnh tương ứng mức tiền lương tối thiểu chung.

c. Về giải quyết chế độ tử tuất:

- Căn cứ ngày chết ghi trên giấy chứng tử hoặc giấy báo tử và mức lương tối thiểu chung tại tháng đối tượng chết (bao gồm tiền mai táng, trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất một lần, trợ cấp chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và trợ cấp khu

vực một lần) để giải quyết. Trường hợp chết trong tháng 4/2011 trợ cấp mai táng tính theo lương tối thiểu là 730.000 đ/tháng, trợ cấp tuất hàng tháng được hưởng từ ngày 01/5/2011 thì tính theo mức tiền lương tối thiểu 830.000 đồng/tháng.

d. Người đủ điều kiện hưởng trợ cấp theo Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 6/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ, từ ngày 01/5/2010 trở đi đến khi Chính phủ ban hành quy định mới về điều chỉnh lương hưu và trợ cấp BHXH thì mức trợ cấp hàng tháng bằng 527.872 đồng/tháng.

4.1. Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố: Căn cứ các quy định của chính sách BHXH và hướng dẫn tại văn bản này, thực hiện:

a. Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng theo hướng dẫn tại khoản 2 nêu trên và tổ chức chi trả kịp thời, đầy đủ, đúng quy định đối với đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng do BHXH tỉnh, thành phố quản lý chi trả (kể cả đối tượng di chuyển đến chưa được điều chỉnh). Đồng thời lập phiếu điều chỉnh hưởng lương hưu và trợ cấp BHXH hàng tháng đối với từng trường hợp theo quy định và lập báo cáo về đối tượng và kinh phí theo mẫu đính kèm công văn này gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam trước ngày 30/6/2011;

b. Giải quyết các chế độ BHXH hưởng từ ngày 01/5/2011 trở đi theo quy định tại khoản 3 văn bản này.

Trường hợp hồ sơ đã giải quyết hưởng từ ngày 01/5/2011 nhưng chưa tính theo quy định mới này thì điều chỉnh lại mức hưởng. Đồng thời lập phiếu điều chỉnh cho từng người theo từng loại chế độ để giao cho đối tượng và bổ sung vào hồ sơ (đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng thì lập danh sách kèm theo phiếu điều chỉnh của từng người gửi về Trung tâm Lưu trữ thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam); truy trả khoản tiền chênh lệch cho đối tượng; thực hiện tổng hợp, thống kê theo quy định. Đối tượng hưởng lương hưu (gồm cả trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, trợ cấp khu vực một lần) và đối tượng hưởng trợ cấp BHXH hàng tháng thì BHXH tỉnh, thành phố nơi quản lý chi trả thực hiện điều chỉnh; Đối tượng hưởng các loại trợ cấp một lần (gồm cả trợ cấp mai táng, trợ cấp chết do TNLD-BNN và trợ cấp khu vực một lần đối với hưởng trợ cấp tuất hàng tháng) thì BHXH tỉnh, thành phố nơi đã giải quyết thực hiện điều chỉnh.


4.2. Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân,

09584087


BHXH và hướng dẫn tại văn bản này để giải quyết các chế độ BHXH hưởng từ ngày 01/5/2011 trở đi theo quy định. Trường hợp hồ sơ TNLĐ-BNN hàng tháng thuộc đối tượng quản lý chi trả và hồ sơ hưởng các loại trợ cấp một lần đã giải quyết hưởng từ ngày 01/5/2011 nhưng chưa theo quy định mới này thì thực hiện điều chỉnh lại mức hưởng. Đồng thời lập phiếu điều chỉnh cho từng người theo từng loại chế độ để giao cho đối tượng và bổ sung vào hồ sơ (đối tượng hưởng TNLĐ-BNN hàng tháng thì lập danh sách kèm theo phiếu điều chỉnh của từng người gửi về Trung tâm Lưu trữ thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam); truy trả khoản tiền chênh lệch cho đối tượng; thực hiện tổng hợp, thống kê theo quy định.

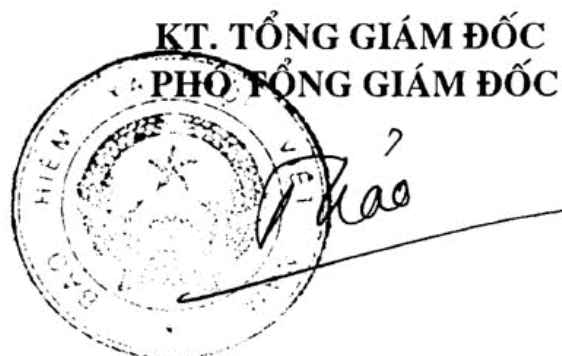
4.3. Trung tâm Thông tin: Căn cứ quy định của chính sách và hướng dẫn tại văn bản này để xây dựng chương trình phần mềm liên quan đến thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng theo quy định và điều chỉnh chương trình phần mềm xét duyệt hưởng các chế độ BHXH; triển khai và hướng dẫn thực hiện chương trình phần mềm đến Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Bảo hiểm xã hội Ban Cơ yếu Chính phủ.

4.4. Các đơn vị khác thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, thực hiện các nội dung liên quan theo quy định và hướng dẫn tại văn bản này.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bảo hiểm xã hội Việt Nam để hướng dẫn thực hiện. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD, các phó TGD;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam;
- Lưu VT, CSXH. 



Nguyễn Minh Thảo

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

BHXH TỈNH, TP:.....

**BIỂU TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH
VÀ TỔNG QUỸ TẶNG THÊM THEO NĐ 22/2011/NĐ-CP VÀ NĐ 23/2011/NĐ-CP
ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỞNG CÁC CHẾ ĐỘ BHXH TRƯỚC NGÀY 01/5/2011**

(Kèm theo công văn số ~~4658~~/BHXH - CSXH ngày ~~27~~ tháng ~~4~~ năm 2011 của BHXH Việt Nam)

ĐỐI TƯỢNG	Số người hưởng tại thời điểm tháng 5/2011 (người)	Tổng kinh phí chi trả tháng 5/2011 chưa điều chỉnh (triệu đồng)	Tổng kinh phí chi trả tháng 5/2011 đã điều chỉnh theo NĐ 22, NĐ 23 (triệu đồng)	Kinh phí tăng thêm tháng 5/2011 do điều chỉnh theo NĐ NĐ 22, NĐ 23 (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5= 4-3	6
1. Hưu trí bắt buộc					
- Hưu CNVC					
Trong đó: NSNN đảm bảo					
- Hưu liên doanh					
- Hưu thành phần KT khác					
- Hưu cán bộ xã theo NĐ121					
- Hưu quân đội					
Trong đó: NSNN đảm bảo					
2. Trợ cấp mất sức lao động					
4. Trợ cấp theo QĐ 91					
3. Trợ cấp theo QĐ 613					
5. Trợ cấp công nhân cao su					
6. Trợ cấp TNLĐ					
Trong đó: NSNN đảm bảo					
7. Trợ cấp BNN					
Trong đó: NSNN đảm bảo					
8. Trợ cấp người phục vụ					
Trong đó: NSNN đảm bảo					
9. Trợ cấp tuất bắt buộc					
- Mức 50% lương tối thiểu					
Trong đó: NSNN đảm bảo					
- Mức 40% lương tối thiểu					
Trong đó: NSNN đảm bảo					
- Mức 70% lương tối thiểu					
Trong đó: NSNN đảm bảo					
10. Trợ cấp cán bộ xã theo NĐ 09					
11. Hưu trí tự nguyện					
12. Trợ cấp tuất tự nguyện					
- Mức 50% lương tối thiểu					
- Mức 70% lương tối thiểu					
13. Hưu nông dân Nghệ An					
TỔNG CỘNG					

Ghi chú: Kinh phí chi trả không bao gồm phụ cấp khu vực hàng tháng.

.....ngày.....tháng.....năm 2011

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu)

09584087